HIỆN TRẠNG CHĂN NUÔI HEO VÀ TÌNH HÌNH NHIỄM DỊCH TẢ HEO CHÂU PHI TẠI BẾN TRE

Trương Văn Hiếu[1], Trần Ngọc Bích[2], Lê Quang Trung[2], Nguyễn Phúc Khánh[2], Trần Duy Khang[2], Nguyễn Thị Kim Quyên[3], Trần Quang Thái[4] và Nguyễn Minh Dũng[4]

[1]Trung tâm Nghiên cứu Thích ứng Biến đổi Khí hậu và Hỗ trợ Phát triển Cộng đồng, Trường Đại học Trà Vinh; [2]Bộ môn Thú Y, Khoa Nông nghiệp, Trường Đại học Cần Thơ; [3]Bộ môn Chăn nuôi – Thú y, Khoa Nông nghiệp – Thủy sản, Trường Đại học Trà Vinh; [4]Chi cục Chăn nuôi và Thú y Bến Tre

Tác giả liên hệ: TS. Trương Văn Hiếu. Tel: 0963.775.018; Email: vanhieu@tvu.edu.vn

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 01 đến tháng 03 năm 2020 nhằm khảo sát tình hình bệnh Dịch tả heo Châu Phi (AFS) tại 08 huyện và 01 thành phố của tỉnh Bến Tre. Các số liệu được sử dụng trong nghiên cứu này bao gồm các số liệu sơ cấp và các số liệu thứ cấp. Các số liệu thứ cấp được thu thập từ các báo cáo của các cơ quan có thẩm quyền. Các số liệu sơ cấp được thu thập bằng cách điều tra và phỏng vấn trực tiếp theo nghiên cứu bệnh-chứng (45 hộ có heo bệnh ASF và 45 hộ có heo khỏe mạnh); kết hợp với phương pháp nghiên cứu cắt ngang và điều tra hồi cứu trên 90 hộ có heo bệnh ASF và 10 cán bộ quản lý về công tác phòng chống dịch bệnh ASF tại tỉnh Bến Tre. Kết quả cho thấy năm 2019, tổng đàn heo giảm mạnh (42,2%) so với năm 2018, nguyên nhân do bệnh ASF kéo dài và người chăn nuôi không tái sản xuất. Kết quả điều tra cũng cho thấy, tỷ lệ xử lý chất thải bằng biogas (82,2%), có hàng rào xung quanh trại (64,4%) và có hố sát trùng trước trại (53,3%) ở những hộ có heo bệnh ASF có xu hướng là thấp hơn so với những hộ heo khỏe, tương ứng. Bổ sung thêm vitamin hoặc probiotic trong khẩu phần thức ăn của heo chiếm 40% ở những hộ có heo bệnh ASF là thấp hơn so với những trại heo khỏe (51,1%). Tỷ lệ heo bệnh và tiêu hủy do bệnh ASF lần lượt là 12,4% và 13,4% so với tổng đàn heo. Tỷ lệ chết cao nhất là ở heo nọc (100%), heo con (91,5%), heo nái (86,4%) và thấp nhất là heo thịt (85,3%). Một số biểu hiện lâm sàng thường gặp của heo mắc bệnh như: sốt cao, nổi đỏ da hoặc tím tái, bỏ ăn, lừ đừ và chết một cách bất ngờ. Các khó khăn trong công tác phòng chống bệnh ASF: hộ chăn nuôi khai báo heo bệnh ASF chậm trễ, thiếu nguồn nhân lực và kỹ thuật. Các giải pháp đề xuất: tăng cường tuyên truyền cho người chăn nuôi hiểu rõ công tác phòng, chống bệnh ASF; ban hành chính sách hỗ trợ kiểm soát ASF; khuyến khích áp dụng các biện pháp an toàn sinh học trong chăn nuôi ở tỉnh Bến Tre.

Từ khóa: *Dịch tả heo Châu Phi, điều tra, heo, tỉnh Bến Tre*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, ngành chăn nuôi ở nước ta đang trong thời kỳ phát triển mạnh. Trong đó, nghề chăn nuôi heo đang dần trở thành một ngành kinh tế sản xuất nông nghiệp quan trọng. Thịt heo không chỉ cung cấp 70-80% cho người tiêu dùng trong nước mà còn được xuất khẩu với số lượng lớn mỗi năm (Lê Thị Mến, 2010). Tuy nhiên, đặc điểm chung của ngành chăn nuôi heo ở Việt Nam chủ yếu là chăn nuôi nhỏ lẻ tại các nông hộ. Do đó, cơ hội mở rộng sản xuất bị hạn chế nghiêm trọng bởi hai yếu tố: tác động của dịch bệnh và thiếu sức mạnh thị trường do không có sự liên kết làm suy giảm chuỗi giá trị kinh tế của ngành chăn nuôi heo trong nước.

Kiểm soát dịch bệnh đang là một yêu cầu cấp thiết của ngành chăn nuôi heo ở Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung, đặc biệt là bệnh Dịch tả heo Châu Phi (ASF). Bệnh ASF là một trong những bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, có tỷ lệ chết cao nhất trên heo (lên đến gần 100% heo nhiễm bệnh). Bệnh xuất hiện lần đầu tiên ở Châu Phi vào năm 1921, sau đó nhanh chóng lan rộng sang Châu Âu, Trung và Nam Mỹ. Gần đây, bệnh cũng xuất hiện tại Trung Quốc, Việt Nam, Mông Cổ, Campuchia, Lào và Hàn Quốc (Guinat và cs., 2016; Natalia và cs., 2019). Tại Việt Nam, theo số liệu thống kê tình hình bệnh ASF của Cục Thú y, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT) tính đến ngày 11/12/2019, bệnh ASF đã xảy ra tại 8.553 xã thuộc 667 huyện của 63 tỉnh, thành phố với tổng số heo tiêu hủy gần 5,95 triệu con; với tổng khối lượng trên 340.000 tấn, chiếm khoảng 9% tổng khối lượng heo của cả nước (Bích Hồng-TTXVN, 2019).

Ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long, bệnh xảy ra ở hầu hết các tỉnh thành và để lại hậu quả nặng nề cho ngành chăn nuôi heo của các tỉnh trong vùng. Riêng tỉnh Bến Tre, bệnh đã để lại hậu quả rất lớn cho ngành chăn nuôi heo. Ổ dịch ASF xuất hiện đầu tiên ngày 27/6/2019 tại xã Thạnh Phú Đông, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Theo báo cáo số 751 ngày 06/01/2020 của Cục Thống kê, trên địa bàn toàn tỉnh Bến Tre có tổng số heo nhiễm ASF tiêu hủy là 42.545 con, khối lượng tiêu hủy 1.909 tấn (từ 27/6/2019 đến 15/12/2019). Tình hình trên cho thấy việc phòng chống bệnh ASF là một yêu cầu cấp thiết và bệnh ASF là mối lo ngại hàng đầu của những người chăn nuôi heo. Do vậy, việc tiến hành điều tra hiện trạng chăn nuôi heo và tình hình nhiễm Dịch tả heo Châu Phi tại tỉnh Bến Tre là một trong những yêu cầu cần thiết để có biện pháp tối ưu nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống bệnh ASF của tỉnh.

VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Vật liệu nghiên cứu

Các hộ chăn nuôi có heo bệnh ASF, các hộ có heo khỏe mạnh và 10 cán bộ quản lý Nhà nước có liên quan công tác phòng chống bệnh ASF tại tỉnh Bến Tre.

Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu được triển khai tại 08 huyện và 01 thành phố có bệnh ASF xảy ra trong tỉnh Bến Tre từ tháng 01 đến tháng 03 năm 2020.

Nội dung nghiên cứu

Hiện trạng chăn nuôi heo tại tỉnh Bến Tre.

Tình hình bệnh ASF tại tỉnh Bến Tre.

Công tác phòng chống bệnh ASF tại tỉnh Bến Tre.

Phương pháp nghiên cứu

Các số liệu được sử dụng trong đề tài bao gồm các số liệu sơ cấp và các số liệu thứ cấp. Các số liệu thứ cấp được thu thập từ các báo cáo tổng kết năm 2017-2019 và tháng 2/2020 của tỉnh Bến Tre. Thu thập thông tin về số hộ và số lượng heo mắc bệnh ASF từ báo cáo của Chi cục CN&TY Bến Tre. Các số liệu sơ cấp được thu thập theo phương pháp nghiên cứu cắt ngang và điều tra hồi cứu, phỏng vấn trực tiếp bằng bảng câu hỏi thiết kế sẵn kết hợp với quan sát thực tế.

Lần 1: Tổng số hộ điều tra tình hình chăn nuôi heo là 90 hộ theo nghiên cứu bệnh-chứng với tỷ lệ hộ nuôi heo bệnh : đối chứng là 1:1 (chọn ngẫu nhiên 05 hộ nuôi heo có bệnh ASF và 05 hộ nuôi heo khỏe mạnh/huyện); nghĩa là số lượng hộ có heo bệnh cần điều tra là 45 hộ và 45 hộ đối chứng có đàn heo khỏe mạnh theo yêu cầu của đề tài NCKH cấp tỉnh của Sở KHCN Bến Tre. Danh sách những hộ có heo bệnh là những hộ đã được Chi cục Chăn nuôi và Thú y Bến Tre lấy máu heo bệnh xét nghiệm bằng kỹ thuật Real time PCR tại Chi cục Thú y vùng VII và cho kết quả dương tính với ASFV.

Lần 2: Nghiên cứu cắt ngang và điều tra hồi cứu, phỏng vấn trực tiếp tổng số 90 hộ có đàn heo đã xác định bệnh ASF (chọn ngẫu nhiên 10 hộ/huyện) nhằm xác định diễn biến các triệu chứng lâm sàng heo bệnh ASF đến khi chết và tỷ lệ chết trên từng loại heo mắc bệnh ASF trước khi heo tiêu hủy. Những hộ có heo bệnh là những hộ đã được Chi cục Chăn nuôi và Thú y Bến Tre lấy máu heo bệnh xét nghiệm bằng kỹ thuật Real time PCR tại Chi cục Thú y vùng VII và cho kết quả dương tính với ASFV. Như vậy, tổng cộng có 180 hộ chăn nuôi heo tại tỉnh Bến Tre được điều tra và phỏng vấn trực tiếp.

Ngoài ra, tiến hành phỏng vấn 10 cán bộ quản lý Nhà nước: lãnh đạo Chi cục CN&TY; Đại diện lãnh đạo của 03 huyện (Giồng Trôm, TP. Bến Tre và Mỏ Cày Nam), 03 xã và 03 cán bộ thú y địa phương nhằm xác định những khó khăn và giải pháp về công tác phòng chống bệnh ASF tại Bến Tre.

Chỉ tiêu theo dõi bao gồm: Tình hình chăn nuôi heo, tỷ lệ bệnh và tiêu hủy heo bệnh ASF, triệu chứng lâm sàng và tỷ lệ chết của từng loại heo bệnh ASF, khó khăn và giải pháp về công tác phòng chống bệnh ASF tại Bến Tre.

Xử lý số liệu

Số liệu khảo sát được tổng hợp và xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel 2010.

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Hiện trạng chăn nuôi heo tại tỉnh Bến Tre

Tổng đàn heo qua các năm

Tổng đàn heo của tỉnh qua các năm 2016-2020 được trình bày qua Hình 1.

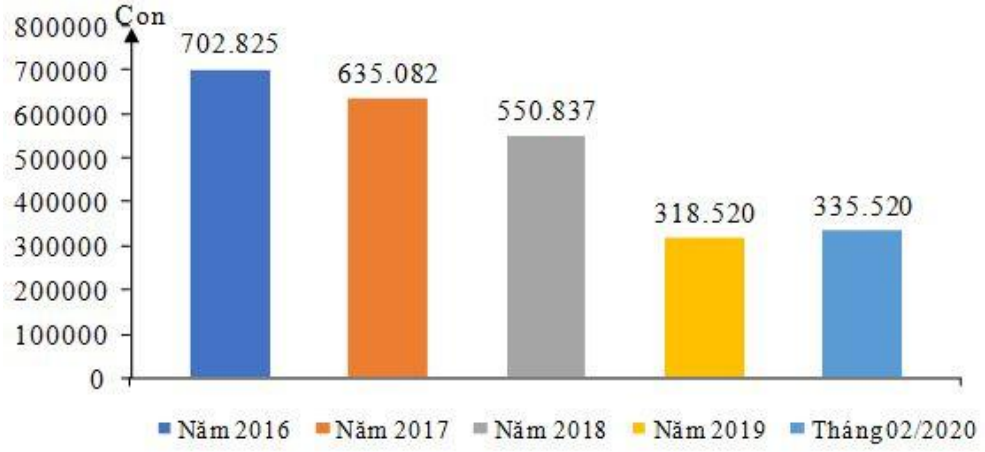

Hình 1. Tổng đàn heo của tỉnh Bến Tre qua các năm

(Nguồn: Cục Thống kê Bến Tre, 2017; 2018; 2019 và tháng 02/2020)

Tổng đàn heo của tỉnh Bến Tre năm 2017 (635.082 con), năm 2018 (550.837 con) giảm so với cùng kỳ năm trước lần lượt là 9,64% và 13,3%, nguyên nhân do giá cả giảm mạnh và kéo dài từ năm 2017 đến tháng 4/2018, người chăn nuôi bị thua lỗ nặng, thiếu vốn sản xuất. Các hộ nuôi nhỏ lẻ sau khi xuất bán heo không dám tái đàn; các hộ chăn nuôi quy mô lớn hơn thì giảm đàn heo nái. Riêng năm 2019 đàn heo giảm rất mạnh (42,2%) do dịch bệnh bùng phát và lây lan kéo dài trong năm gây thiệt hại cho người chăn nuôi. Chẳng hạn: tháng 01/2019 có 06 ổ dịch bệnh Lở mồm long móng; tháng 03/2019 có 01 ổ dịch bệnh dịch tả cổ điển; đặc biệt từ ngày 27/6-15/12/2019 bệnh ASF gây thiệt hại nặng nề cho ngành chăn nuôi và người nuôi heo không dám tái đàn (Cục Thống kê Bến Tre, 2019). Tương tự, theo Rousset và cs. (2001), tại một đợt bùng phát dịch ASF ở Madagascar vào năm 1997, số lượng heo của quốc gia này giảm 60% tổng đàn. Tuy nhiên, số lượng heo toàn tỉnh đến 02/2020 (335.520 con) tăng nhẹ (5,34%) so với tháng 10/2019. Nhiều hộ đã chủ động sát trùng chuồng trại và đăng ký tái đàn sau bệnh ASF theo Công văn số 08 ngày 18/12/2019 của Ban Chỉ đạo phòng chống dịch bệnh động vật (BCĐ. PCDBĐV) tỉnh Bến Tre; Công văn số 263 ngày 07/02/2020 của Sở NN&PTNT về việc khẩn trương tổ chức tái đàn heo trên địa bàn tỉnh.

Mục tiêu, quy mô và kinh nghiệm chăn nuôi heo

Kết quả khảo sát về mục tiêu, quy mô và kinh nghiệm chăn nuôi heo của tỉnh Bến Tre được trình bày qua Bảng 1.

Bảng 1. Mục tiêu, quy mô và kinh nghiệm chăn nuôi heo ở các hộ điều tra

Chỉ tiêu		Hộ có heo bệnh ASF (n=45)		Hộ không có heo bệnh ASF (n=45)	
		Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)
Mục tiêu nuôi	Heo thịt	11	24,4	8	17,8
	Heo sinh sản và thịt	34	75,6	37	82,2
Quy mô nuôi (*)	<33 nái/hộ	43	95,6	44	97,8
	33 - <100 nái/hộ	2	4,4	1	2,2
	100 - <1.000 nái/hộ	0	0	0	0
Kinh nghiệm	≤ 10 năm	24	53,3	11	24,4
	11- 30 năm	21	46,7	34	75,6

Ghi chú: (*) Quy mô nuôi căn cứ điều 21, Nghị Định 13 của Chính Phủ ngày 21/01/2020

Qua kết quả Bảng 1 cho thấy, các hộ chủ yếu nuôi heo sinh sản kết hợp nuôi lấy thịt, chiếm 75,6-82,2%, còn lại chỉ nuôi heo thịt chiếm 17,8-24,4%. Mục tiêu chính nuôi heo sinh sản kết hợp nuôi thịt tạo thành một quy trình khép kín, chủ động được nguồn con giống. Đây là một hướng chăn nuôi phù hợp nhằm hạn chế ảnh hưởng của các yếu tố bên ngoài như dịch bệnh, chất lượng con giống và giá con giống.

Quy mô chăn nuôi thể hiện trình độ chăn nuôi, mức độ thâm canh và khả năng phát triển chăn nuôi heo tại địa phương. Quy mô chăn nuôi heo nông hộ (<33 nái/hộ) chiếm tỷ lệ cao nhất (95,6-97,8%), quy mô trang trại nhỏ (33-<100 nái/hộ) chiếm tỷ lệ 2,2-4,4%, các hộ này có vị trí xen kẽ với trang trại chăn nuôi quy mô nông hộ. Ngoài ra, các trại chăn nuôi cùng địa phương thường liền kề nhau hoặc khoảng cách gần nhau nên gặp khó khăn trong quản lý dịch bệnh và phòng chống lây lan dịch bệnh ASF. Tuy nhiên, đa số các hộ chăn nuôi heo thâm canh theo hướng sản xuất hàng hóa, đây là thuận lợi cho khuyến cáo áp dụng an toàn sinh học trong chăn nuôi heo nhằm hạn chế bệnh ASF tái phát.

Tỷ lệ hộ có kinh nghiệm chăn nuôi heo ≤10 năm của hộ có bệnh ASF (53,3%) cao hơn so với hộ heo khỏe (24,4%). Tỷ lệ hộ với kinh nghiệm chăn nuôi heo >10 năm đối hộ heo bệnh ASF (46,7%) thấp hơn so với hộ heo khỏe (75,6%). Vậy người chăn nuôi dựa theo kinh nghiệm là chủ yếu, các hộ có kinh nghiệm >10 năm thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh ASF và bảo vệ sức khỏe đàn heo tốt hơn. Tuy nhiên, đàn heo chưa an toàn trong đợt dịch bệnh ASF vừa qua; nên cần phải áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến trong chăn nuôi heo.

Chuồng trại và chăm sóc nuôi dưỡng heo

Kết quả điều tra tình hình chăn nuôi heo tại tỉnh Bến Tre năm 2019 được trình bày tại Bảng 2.

Bảng 2. Chuồng trại, nuôi dưỡng, vệ sinh thú y và phòng bệnh trên đàn heo

Chỉ tiêu		Hộ có heo bệnh ASF (n=45)		Hộ không có heo bệnh ASF (n=45)	
		Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)
Chuồng trại	Xi măng – mái tôn	45	100	45	100
	Kiểu chuồng hở	45	100	45	100
	Hàng rào bao quanh	29	64,4	32	71,1
	Không có hàng rào bao quanh	16	35,6	13	28,9
	Xử lý chất thải bằng biogas	37	82,2	41	91,1
	Thải chất thải trực tiếp ra môi trường	8	17,8	4	8,9
Nuôi dưỡng	Bổ sung vitamin hoặc probiotic	18	40,0	23	51,1
	Không bổ sung vitamin hoặc probiotic	27	60,0	22	48,9
Vệ sinh thú y	Có hố sát trùng	24	53,3	28	62,2
	Không có hố sát trùng	21	46,7	17	37,8
Phòng bệnh	Nhờ thú y viên	12	26,7	11	24,4
	Tự phòng bệnh	33	73,3	34	75,6

Qua kết quả điều tra cho thấy 100% hộ nuôi heo đều xây dựng chuồng trại cơ bản, cố định như: cột, nền và vách chuồng trại bằng xi măng và có mái lợp tôn. Ưu điểm của chuồng nuôi này dễ dọn vệ sinh, tắm rửa gia súc hàng ngày cũng như vệ sinh sát trùng phòng bệnh. Bên cạnh, kiểu chuồng nuôi là chuồng hở (100%) có ưu điểm dễ làm, không tốn nhiều chi phí, thông thoáng gió tự nhiên. Nhưng, kiểu chuồng này thì khó kiểm soát quản lý mầm bệnh mang vào trại từ không khí hay côn trùng, chim nên khi có dịch bệnh xảy trong vùng thì dễ lây lan dịch bệnh lẫn nhau giữa các trại. Ngoài ra, các trại heo có hàng rào xung quanh chiếm 64,4-71,1% nhằm hạn chế sự tiếp xúc của các yếu tố bên ngoài vào trại như: người lạ, chó, động vật khác. Tuy nhiên, số trại heo không có hàng rào xung quanh chiếm 28,9-35,6%. Đây là một hạn chế, người chăn nuôi cần quan tâm đầu tư thêm trong thời gian tới hướng đến nuôi heo theo an toàn sinh học. Mặt khác, các hộ nuôi heo có xử lý chất thải, nước thải bằng biogas chiếm 82,2-91,1%, vừa xử lý chất thải từ chăn nuôi, vừa sử dụng chất đốt, tiết kiệm cho gia đình.Việc sử dụng công nghệ biogas là mang nhiều lợi ích kinh tế cho nông hộ, vừa giảm thiểu ô nhiễm môi trường (Vũ Đình Tôn và cs., 2008). Một số hộ chưa xử lý chất thải chăn nuôi chiếm 8,9-17,8%, cần phải có biện pháp xử lý phân, nước thải từ trại chăn nuôi nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường (Điều 60 - Luật Chăn nuôi, 2018).

Kết quả điều tra cho thấy số hộ nuôi heo có bổ sung vitamin hoặc probiotic vào thức ăn hay nước uống của đàn heo chiếm 40-51,1%. Việc bổ sung vitamin hoặc probiotic nhằm tăng sức đề kháng cho heo, thường bổ sung vào lúc mới nhập heo nuôi, lúc thời tiết thay đổi, nhưng không liên tục mỗi ngày. Theo Men (2015), bổ sung probiotic liên tục trong khẩu phần của heo con sau cai sữa làm giảm tỷ lệ tiêu chảy, tăng năng suất và hiệu quả thức ăn. Tương tự, Lê Thị Mến và cs. (2016), bổ sung vitamin liên tục đã cải thiện rõ rệt tăng trưởng và hiệu quả kinh tế trên heo. Số hộ nuôi heo không bổ sung vitamin hoặc probiotic còn nhiều chiếm 48,9-60%. Do đó, các hộ nuôi heo cần quan tâm đến giải pháp tăng sức đề kháng liên tục cho vật

nuôi chống lại sự xâm nhập các mầm bệnh và giúp vật nuôi phát triển khỏe mạnh.

Qua Bảng 2 cho thấy số hộ đặt hố sát trùng nơi ra vào trại chăn nuôi chiếm 53,3-62,2%, nhằm làm giảm sự xâm nhập mầm bệnh từ bên ngoài vào trại heo. Hố sát trùng được đặt trước nơi ra vào trại chăn nuôi có tác dụng ngăn ngừa việc lây truyền các mầm bệnh từ nơi này đến nơi khác, từ khu chăn nuôi này đến khu chăn nuôi khác (Huỳnh Minh Trí và cs., 2017). Bên cạnh, số hộ không đặt hố sát trùng nơi ra vào trại heo chiếm tỷ lệ khá cao 37,8-46,7%, đây là một rủi ro mầm bệnh có thể từ bên ngoài thông qua con người, giày dép, phương tiện vận chuyển mang vào trại. Hạn chế này cần được khắc phục góp phần hạn chế sự lây lan mầm bệnh và bảo vệ sức khỏe cho đàn vật nuôi.

Đa số các hộ được phỏng vấn đều tự tiêm phòng cho đàn heo (73,3-75,6%). Bên cạnh đó, còn một số hộ đa phần chăn nuôi nhỏ lẻ phải nhờ thú y viên đến tiêm phòng cho đàn heo (24,4-26,6%), đây cũng là một hạn chế. Vì khi có dịch bệnh truyền nhiễm không cho người lạ ra vào trại heo nhằm hạn chế nguồn lây lan mầm bệnh cho trại.

Nhìn chung, hộ có heo bệnh ASF và hộ có heo khỏe đều đảm bảo điều kiện cơ bản về chuồng trại, nuôi dưỡng, vệ sinh thú y và phòng bệnh cho đàn heo. Tuy nhiên, những hộ nuôi heo cần khắc phục một số hạn chế như trên và hướng đến áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học nhằm hạn chế tối đa sự lây lan mầm bệnh vào trại.

Tình hình bệnh ASF tại tỉnh Bến Tre

Số lượng heo bệnh và tiêu hủy do bệnh ASF

Số lượng và tỷ lệ heo bệnh và tiêu hủy do bệnh ASF tại tỉnh Bến Tre năm 2019 như sau:

Bảng 3. Số lượng và tỷ lệ heo bệnh và tiêu hủy do bệnh ASF

Chỉ tiêu	Số lượng (con)	Tỷ lệ (%)
Tổng đàn heo	318.520[(1)]	100
Số lượng heo bệnh ASF	39.364[(2)]	12,4
Số lượng heo tiêu hủy	42.545[(1)]	13,4

Ghi chú: [(1)]: Cục Thống kê, 2020; [(2)]: Chi Cục CN&TY Bến Tre, 2019.

Số lượng heo bệnh và tiêu hủy do dịch bệnh ASF tại tỉnh năm 2019 lần lượt là 12,4% và 13,4% tổng đàn. Số lượng heo tiêu hủy nhiều hơn số lượng heo bệnh ASF là khi đàn heo nhiễm bệnh ASF có tiêu hủy cả heo khỏe và heo đã chết, tùy theo quy mô nuôi và điều kiện chăn nuôi, do chuyên môn xem xét đề xuất tiêu hủy. Chẳng hạn, đối với hộ nuôi dưới 50 con có thể tiêu hủy toàn đàn; đối với quy mô >50 con và điều kiện vệ sinh,an toàn sinh học kém thì tiêu hủy cả heo khỏe cùng ô chuồng có heo bệnh ASF trong đàn theo công văn số 06 của BCĐ.PCDBĐV ngày 03/10/2019. Vì bệnh ASF có khả năng lây lan rất nhanh trong quần thể heo. Sự phát tán của virus có thể bắt đầu từ 02 ngày trước khi xuất hiện các dấu hiệu lâm sàng và có thể thải virus Dịch tả heo Châu Phi (ASFV) qua dịch mũi, miệng, nước tiểu, phân và máu. ASFV có thể tồn tại một khoảng thời gian dài trong các mô hoặc máu của heo còn sống (động vật mang trùng) và có thể góp phần lây truyền virus cho heo khỏe (Martinez và cs., 2015; Guinat và cs., 2016). Mặt khác, theo Rousset và cs. (2001), tỷ lệ chết của heo nhiễm ASFV lên tới 90%. Vậy số heo khỏe sống cùng đàn ở quy mô nhỏ lẻ hoặc chung ô chuồng với heo bệnh ASF có thể mang trùng phát bệnh và lây lan dịch bệnh, nên việc chuyên môn xem xét đề xuất tiêu hủy cùng lúc với heo bệnh ASF là hợp lý.

Tỷ lệ chết trên từng loại heo bị bệnh ASF tại tỉnh Bến Tre

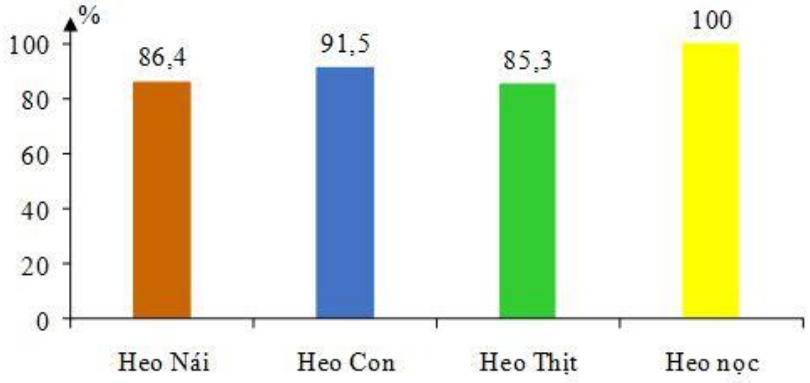

Hình 2. Tỷ lệ chết trên từng loại heo bị bệnh ASF tại tỉnh Bến Tre

Qua kết quả điều tra 90 hộ có đàn heo đã xác định bệnh ASF trong thời gian từ khi có triệu chứng sốt đến ngày bệnh thứ 07 trước khi tiêu hủy cho thấy, bệnh ASF hiện diện ở tất cả các nhóm heo với tỷ lệ chết trung bình là 90,8% trên tổng số heo bệnh. Điều này cho thấy bệnh gây thiệt hại nghiêm trọng với tỷ lệ chết cao. Heo nọc giống rất mẫn cảm với virus ASF với tỷ lệ hao hụt là 100%, heo con (91,5%), heo nái (86,4%) và thấp nhất là ở nhóm heo thịt (85,3%). Heo con là đối tượng rất dễ bị tổn thương do các yếu tố bệnh tác động, heo càng nhỏ sức đề kháng với bệnh càng thấp (Guinat và cs., 2016). Tương tự, nghiên cứu của Blome và cs. (2013) cho thấy, tỷ lệ xuất hiện các biểu hiện lâm sàng và tỷ lệ chết của heo phụ thuộc trực tiếp vào độc lực của chủng ASFV gây bệnh. Heo ở tất cả các lứa tuổi không phân biệt giới tính đều có thể bị nhiễm ASFV, đôi khi tỷ lệ tử vong rất cao lên đến 95-100% tại các trại heo nuôi tập trung. Vậy đàn heo nuôi tại Bến Tre nhiễm ASFV có độc lực cao nên tỷ lệ bệnh chết rất cao.

Triệu chứng lâm sàng của heo mắc bệnh ASF

Ghi nhận trên tổng số 90 trại heo được khảo sát cho thấy một số biểu hiện lâm sàng của heo nhiễm virus ASF, kết quả được trình bày trong Bảng 4.

Bảng 4. Triệu chứng lâm sàng thường gặp trên heo nhiễm virus ASF

Số hộ khảo sát (n=90)	**Heo nái** (n=258 con)	**Heo con** (n=649 con)	**Heo thịt** (n=2.904 con)	**Heo nọc** (n=44 con)
	Tỷ lệ (%)			
Sốt cao (40-42^{o}C)	100	100	95,1	100
Bỏ ăn, lừ đừ	100	100	97,6	100
Nổi mẩn đỏ da/tai	94,19	97,1	87,8	65,9
Chết một cách bất ngờ	17,4	28,5	19,5	34,1
Tiêu chảy	11,6	74,3	24,4	34,1
Đi phân có máu	8,53	60,1	14,6	0
Vấn đề hô hấp	32,2	45,6	58,5	65,9
Nôn ói	5,81	37,1	9,75	34,1

Kết quả Bảng 4 cho thấy, biểu hiện lâm sàng thường gặp nhất trên heo nhiễm ASFV là sốt cao (95,1-100%), bỏ ăn, lừ đừ (97,6-100%) và nổi mẩn đỏ da (65,9-97,1%). Ngoài ra, còn có một số biểu hiện rất rõ ràng của bệnh như: viêm hô hấp (32,2-65,9%); tiêu chảy ở heo nái và heo thịt (11,6-24,4), ở heo nọc (34,1%) và cao nhất ở heo con (74,3%); đi phân có lẫn máu ở heo con cao nhất (60,1%); nôn ói ở heo nái và heo thịt (5,81- 9,75) và cao nhất ở heo nọc (34,1%) và heo con (37,1%); ở tất cả heo không phân biệt giới tính tại mọi giai đoạn sinh trưởng. Các triệu chứng lâm sàng của đàn heo mắc bệnh ASF được ghi nhận trong nghiên cứu này phù hợp với mô tả của Natalia và cs.(2019)bệnh ASF là một bệnh sốt xuất huyết cấp tính trên heo với các biểu hiện lâm sàng như: sốt cao, nổi đỏ da hoặc tím tái, bỏ ăn, ủ rủ và chết một cách bất ngờ. Kết quả này cũng tương đồng với nghiên cứu của Jose (2010), một số biểu hiện lâm sàng đặc trưng của heo nhiễm ASFV như: sốt cao (40-42^{o}C), chán ăn, da xuất huyết, đặc biệt là ở các chi (tai, tay chân, đuôi và mõm), viêm kết mạc, tiêu chảy (đôi khi có máu), khó thở, ho và các rối loạn hô hấp khác (thở nhanh và khó thở). Tương tự, báo cáo của FAO (2009), cũng cho thấy các biểu hiện lâm sàng của bệnh như: sốt cao, giảm ăn (đôi khi bỏ ăn), ủ rủ, da nổi đỏ hoặc tím tái, các vấn đề về hô hấp, nôn ói, tiêu chảy, tiêu chảy phân máu, chết một cách bất ngờ và sẩy thai trên heo nái.

Công tác phòng chống dịch bệnh ASF tại tỉnh Bến Tre

Kết quả khảo sát cho thấy công tác phòng chống dịch bệnh ASF còn gặp một số khó khăn:

(1) Xác định heo bệnh, ổ dịch bệnh còn chậm; nguyên nhân: một số hộ chăn nuôi còn hạn chế trong hiểu biết về công tác phòng chống dịch bệnh ASF, tự điều trị bệnh cho heo đến khi heo chết mới báo dịch bệnh hoặc còn tâm lý vì lợi ích cục bộ, giấu dịch không khai báo heo bệnh sớm. Ngoài ra, lực lượng thú y cơ sở ít người và một số địa phương có địa bàn rộng, giao thông khó khăn nên còn chậm trễ trong công tác phòng, chống dịch bệnh ASF. Hơn nữa, quy trình tiếp nhận heo bệnh còn chậm do quy trình tiếp nhận từ xã, huyện, tỉnh.

(2) Chưa có định mức thuê máy móc đào hố tiêu hủy, thuê phương tiện vận chuyển heo tiêu hủy. Ngoài ra, dịch bệnh xảy ra thời gian dài, lực lượng phòng chống dịch địa phương quá tải, trong khi tiền thù lao, tiền công thanh toán còn chậm.

(3) Một số rất ít ổ dịch không có diện tích đất chôn tiêu hủy heo bệnh nên một số hộ còn giấu heo bệnh, thả heo bị bệnh chết xuống sông và một số hộ còn thải chất thải chăn nuôi trực tiếp ra sông gây nguy cơ lây lan dịch bệnh rất lớn.

(4) Công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động mua bán, vận chuyển, giết mổ heo còn gặp nhiều khó khăn. Do một số địa bàn rộng ở vùng sâu, giao thông phức tạp. Hơn nữa, một số địa bàn vùng dịch có Quốc lộ 60 là giao thông vận chuyển heo liên tỉnh và là nơi có nhiều điểm trung chuyển heo (huyện Mỏ Cày Nam) nên các phương tiện vận chuyển hàng hóa ra, vào thường xuyên.

(5) Tập quán chăn nuôi heo của người dân theo truyền thống, phân tán, chưa áp dụng các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học. Đồng thời, hiện nay chưa có thuốc điều trị và vaccine phòng bệnh ASF nên rất khó khăn cho công tác phòng và kiểm soát dịch bệnh.

Để khắc phục tình trạng trên một số giải pháp cần thực hiện:

(1) Để phát hiện heo bệnh, xác định ổ dịch kịp thời cần: truyền thông rất sớm trước khi xảy ra dịch bệnh tại địa phương; tuyên truyền rộng rãi để người dân hiểu rõ công tác phòng chống dịch bệnh ASF, khai báo dịch bệnh kịp thời và cùng phối hợp, hỗ trợ các cơ quan chuyên môn trong việc kiểm soát và xử lý ổ dịch bệnh. Tăng cường lực lượng đoàn thể, đoàn hội và ấp,

khóm tại địa phương vừa tuyên truyền đến người dân, vừa nắm bắt kịp thời tình hình dịch bệnh. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, kiểm soát, phòng chống dịch bệnh ASF.

(2) Đề xuất tỉnh ban hành hướng dẫn, định mức tiền công, chi phí thuê máy móc đào hố, phương tiện vận chuyển,… và các biểu mẫu thanh toán kinh phí ngay từ đầu, để thanh toán kịp thời các khoản chi phí nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh.

(3) Cần có chính sách hỗ trợ những hộ không có diện tích đất chôn tiêu hủy heo bệnh và thải chất thải trực tiếp ra sông. Tăng cường công tác tuyên truyền cho người dân hiểu rõ mức hỗ trợ kinh phí, mức nguy hiểm của bệnh ASF, mức xử phạt nhằm tránh tình trạng vứt xác heo bệnh ra môi trường, không bán tháo heo bệnh, không che giấu heo bệnh, không thải chất thải chăn nuôi trực tiếp ra sông. Ngoài ra, các hộ nuôi heo phải có diện tích đất dự phòng phù hợp để xử lý chất thải chăn nuôi và nơi tiêu hủy heo bệnh không may khi có dịch bệnh xảy ra.

(4) Tăng cường lập các chốt kiểm soát vùng dịch và rà soát điều chỉnh công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động mua bán, vận chuyển, giết mổ heo trên địa bàn tỉnh phù hợp với thực tế.

(5) Đối với những hộ nuôi heo khỏe, tái đàn mới hiện nay: tỉnh có những chính sách hỗ trợ thích hợp về kỹ thuật, nguồn vốn cho người chăn nuôi hướng đến áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học để phòng chống bệnh ASF tái phát theo công văn 5329 ngày 25/07/2019 của Bộ NN&PTNT.

KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

Kết luận

Kết quả điều tra thực tế, chúng tôi nhận thấy đa số các hộ chăn nuôi heo: có kinh nghiệm hơn 10 năm, mục đích nuôi heo sinh sản kết hợp với heo thịt, có đầu tư cơ bản về chuồng trại, thức ăn và phòng bệnh. Tuy nhiên, người chăn nuôi chưa áp dụng quy trình chăn nuôi heo an toàn sinh học toàn diện.

Số lượng heo mắc bệnh ASF chiếm 12,4% tổng đàn và tỷ lệ chết là 90,8% với một số biểu hiện lâm sàng phổ biến nhất như: sốt cao, bỏ ăn, lừ đừ và nổi mẩn đỏ ngoài da.

Ba khó khăn chính trong phòng, chống dịch bệnh ASF: Hộ chăn nuôi khai báo heo bệnh chậm trễ, thiếu nguồn nhân lực và chăn nuôi heo theo truyền thống.

Đề nghị

Địa phương cần xây dựng vùng chăn nuôi heo an toàn dịch bệnh kết hợp với nghiên cứu mô hình chăn nuôi heo an toàn sinh học phù hợp với điều kiện tự nhiên và người chăn nuôi nhằm phát triển chăn nuôi heo bền vững tại tỉnh Bến Tre trong thời gian tới.

LỜI CẢM ƠN

Nhóm tác giả trân trọng và biết ơn sự giúp đỡ của Chi cục CN&TY và các đơn vị liên quan của tỉnh Bến Tre. Kinh phí thực hiện nghiên cứu từ đề tài cấp tỉnh của Sở KHCN Bến Tre.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh động vật. 2019. Công văn về việc hướng dẫn tiêu hủy heo trong ổ dịch bệnh Dịch tả heo Châu Phi trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Số 06/CV-BCĐ.PCDBĐV ngày 03/10/2019, Bến Tre.

Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh động vật. 2019. Hướng dẫn tái đàn lợn (heo) sau khi hết Dịch tả lợn Châu Phi trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Số 08/BCDPCDB, ngày 18/12/2019, Bến Tre.

Bích Hồng, TTXVN. 2019. https://bnews.vn/gan-5-95-trieu-con-lon-phai-tieu-huy-vi-dich-ta-lon-chau-phi/142673.html

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. 2019. Công văn về việc tăng cường một số biện pháp kỹ thuật tổng hợp về an toàn sinh học trong chăn nuôi lợn để phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi. Số 5329/BNN-CN ngày 25/07/2019, Hà Nội.

Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Bến Tre. 2019. Báo cáo tổng kết tình hình dịch bệnh năm 2019, Bến Tre.

Chính Phủ. 2020. Nghị định hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. Số 13/2020/NĐ-CP, ngày 21/01/2020, Hà Nội.

Cục Thống kê tỉnh Bến Tre. 2017, 2018, 2019 và 2020. Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Bến Tre năm 2017, 2018, 2019 và báo cáo tháng 2/2020. Số 685, 725, 751 và 85/BC-CTK, Bến Tre.

Huỳnh Minh Trí, Nguyễn Ngọc Hải và Nguyễn Hoàng Việt. 2017. Khảo sát tỷ lệ nhiễm virus gây bệnh tiêu chảy cấp (Porcine epidemic diarhea virus - PEDV) trên heo nái và xác định các yếu tố nguy cơ liên quan đến bệnh PED tại tỉnh Tiền Giang. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ 52b, Tr. 1-7.

Lê Thị Mến. 2010. Kỹ thuật chăn nuôi heo. Nhà xuất bản Nông Nghiệp. Thành phố Hồ Chí Minh.

Lê Thị Mến, Lê Quang Trung, Huỳnh Minh Trí, Võ Văn Sơn và Nguyễn Đ ức Hiền. 2016. Ảnh hưởng của vitamin ADE–B.complex và B.complex–C lên năng suất heo tăng trưởng. Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi 210, Tr. 12-18.

Luật Chăn nuôi. 2018. Luật số 32/2018/QH14, có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2020, Hà Nội.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre. 2020. Khẩn trương tổ chức tái đàn lợn trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Số 263/SNN-CCCNTY, ngày 07/02/2020, Bến Tre.

Thủ tướng Chính phủ. 2019. Quyết định về cơ chế, chính sách, đối tượng hỗ trợ kinh phí trong phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi. Số 793/QĐ-TTg, ngày 27/06/2019, Hà Nội.

Vũ Đình Tôn, Lại Thị Cúc và Phạm Văn Duy. 2008. Đánh giá hiệu quả xử lý chất thải bằng bể Biogas của một số trang trại chăn nuôi lợn vùng Đồng bằng sông Hồng. Tạp chí Khoa học và Phát triển 6(6), Tr. 556-561.

Tiếng nước ngoài

Blome, S., Gabriel, C. and Beer, M. 2013. Pathogenesis of African swine fever in domestic pigs and European wild boar. Virus Research 173, pp. 122-130.

Food and Agriculture Organization (FAO). 2009. African Swine Fever Spread in the Russian Federation and the Risk for the Region. ftp://ftp.fao.org/docrep/fao/012/ak718e/ak718e00.pdf.

Guinat, C., Gogin, A., Blome, S., Keil, G., Pollin, R., Pfeiffer, D. U. and Dixon, L. 2016. Transmission routes of African swine fever virus to domestic pigs: current knowledge and future research directions. Veterinary Record 178, pp. 262-267.

Jose, M. S. V. 2010. Early detection and contingency plans for African swine fever. Conf. OIE 1, pp. 139-147.

Martinez, L. B., Perez, A. M., Feliziani, F., Rolesu, S., Mur, L. and Sanchez, V. J. M. 2015. Evaluation of the risk factors contributing to the African swine fever occurrence in Sardinia, Italy. Frontiers in Microbiology 6, pp. 1-10.

Men, L. T. 2015. The effects of probiotic supplementation on growth performance of weaning pigs in the Mekong Delta of Vietnam. Can Tho University Journal of Science 1: pp. 33-38.

Natalia, M. P., Jacek, Z. and Grzegorz, W. 2019. African swine fever virus – persistence in different environmental conditions and the possibility of its indirect transmission. Journal of Veterinary Research 63, pp. 303-310.

Rousset, D., Randriamparany, T., Maharavo Rahantamalala, C. Y., Randriamahefa, N., Zeller, H., Rakoto-Andrianarivelo, M. and Roger, F. 2001. African Swine Fever introduction into Madagascar, history and lessons from an emergence. Archives de l'Institut Pasteur de Madagascar 67(1-2), pp. 31-33.

ABSTRACT

Pig production status and infected situation of African Swine Fever disease (ASF) in Ben Tre province

The study was conducted from January to March 2020 to investigate the situation of African Swine Fever disease in 08 districts and 01 city of Ben Tre province. The data used in this study included primary data and secondary data. Secondary data obtained from reports from the competent authority. Primary data collection techniques were done usingin-depth interviews and direct observation in the field by case-control study (45 pig households with ASF infected herds and 45 pig households with healthy herds); combinating with a cross – sectional method and retrospective cohort survey were carried out on 90 pig households with ASF infected herds and 10 managers about prevention, control of ASF in Ben Tre province. The results showed that in 2019, a total number of pigs dropped sharply (42.2%) compared with 2018, caused by prolongation of ASF disease and households did not reproduce. The survey results showed that, the rate of pig waste treatment by biogas (82.2%), hedge around pig pens (64.4%) and disinfectant pits in front of pig pens (53.3%) in ASF infected herds tended to be lower than healthy herds, correspondingly. Adding vitamin or probiotic in pig diets, accounting for 40% in ASF infected herds were lower than healthy herds (51.1%). The rate of pigs infected and culled by ASF that were 12.4% and 13.4% compared to the total number of pigs. Mortality rate was highest in boars (100%), piglets (91.5%), snows (86.4%) and lowest in growing pigs (85.3%). Most commonly observed clinical signs of ASF pigs such as: high fever, red to purple skin lesion, loss of appetite, dull or depressed and sudden death. Difficulties in the prevention and control of ASF: delay in reporting ASF disease by pig households, lack of human resources and techniques. Proposed solutions: intensifying communication to pig households to comprehend ASF disease and prevention; enforcing policy to support ASF control; encouraging to apply biosecurity measures in husbandry in Ben Tre province.

Keywords: *African swine fever, investigate, pig, Ben Tre province*

Ngày nhận bài: 06/5/2020

Ngày phản biện đánh giá: 11/5/2020

Ngày chấp nhận đăng: 28/5/2020

Người phản biện: PGS.TS. Lê Thị Thanh Huyền